

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM H
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/DS-ST

Ngày: 19/6/2023.

V/v: “Đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM H, TỈNH LÂM ĐỒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Huân.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hằng;

Bà Pang Ting Suyl.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đàm Thị Thu Duyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm H, tỉnh L tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 37/2023/TLST- DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Ng đơn: Ông Lê Mạnh H, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn Th, xã Đ, huyện Lâm H, tỉnh L (*ông H chết ngày 23/02/2023*).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Mạnh H, đồng thời là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Anh Lê Quang Ph, sinh năm 1983; chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1988; chị Lê Huyền Tr, sinh năm 1989; anh Lê Văn Ng, sinh năm 1999; cùng địa chỉ: Thôn Th, xã Đ, huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng.

Anh Ph, chị H, chị Tr và anh Ng ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Phạm Thị D, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 679 Hùng Vương, thị trấn Đình Văn, huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng. *Theo văn bản ủy quyền ngày 04/4/2023.*

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn 10, xã T, huyện L H, tỉnh L.

(bà D và bà Ph có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa người đại D theo ủy quyền của Ng đơn bà Phạm Thị D trình bày:

Ngày 10/5/2016 dương lịch, bà Nguyễn Thị Ph có vay của vợ chồng ông Lê Mạnh H, bà Trần Thị Thủy số tiền là 88.500.000đ, hạn đến tháng 12/2016 trả, lãi thỏa thuận là 2%/01 tháng.

Ngày 29/9/2016, bà Ph vay tiếp của vợ chồng ông H, bà Thủy số tiền 30.000.000đ, hạn đến tháng 12/2016 trả và thỏa thuận lãi 2%/01 tháng.

Ngày 22/4/2017, bà Ph vay thêm của vợ chồng ông H, bà Thủy số tiền 30.000.000đ, thỏa thuận lãi là 2%/01 tháng và hạn tháng 12/2017 trả hết nợ.

Do thời điểm này bà Ph chung sống với ông Khoa nên giấy vay ông H ghi có thể hiện tên ông Khoa nhưng thực tế chỉ có một mình bà Ph là người ký vay và đứng ra giao dịch. Quá hạn trả nợ thì ông H có đòi nợ bà Ph nhiều lần nhưng bà Ph xin khất lại một thời gian do ông Khoa đang lâm bệnh và là chỗ dựa nên ông H cho bà Ph khất nợ. Việc đòi nợ và cho khất nợ giữa các bên chỉ trao đổi miệng với nhau mà hai bên không có giấy tờ gì. Giấy vay do ông H là người ghi nội dung và bà Ph là người ký vay.

Ngày 07/6/2022 bà Thủy chết và ngày 23/02/2023 khi đang trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này thì ông H chết. Cả bà Thủy và ông H chết đều không để lại di chúc. Hng thừa kế của ông H và bà Thủy có 04 người con là anh Ph, chị H, chị Tr và anh Ng. Bố mẹ của bà Thủy và ông H đều đã chết từ lâu; ông H, bà Thủy không có con nuôi và không có bố mẹ nuôi.

Nay những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H vẫn giữ Ng yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Ph phải trả cho các anh, chị số tiền nợ vay gốc là 148.500.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 01/01/2018 cho đến khi vụ án được Tòa án giải quyết xong. Nay bà Ph đề nghị Tòa án áp dụng về thời hiệu theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Ng đơn không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ph trình bày: Thực tế bà không vay của vợ chồng ông H, bà Thủy. Trước đây bà và ông Nguyễn Tiến Quý (tên thường gọi là Nguyễn Văn Khoa) là bạn bè thời nhỏ ở quê tại huyện Đan Ph, THnh phố H Nội. Thời gian khoảng năm 2012-2013, ông Khoa bị nghiện ma túy, phải đi cai nghiện nên ông Khoa vào huyện Lâm H, tỉnh L nhờ bà giúp đỡ. Do là chỗ dựa với nhau, hoàn cảnh ông Khoa khó khăn nên bà có cho ông Khoa ở nhờ. Sau đó ông H đến nhận là người thân có quan hệ bà con với ông Khoa. Do có lần ông Khoa mượn xe của bà đến nH ông H chơi nhưng bà không đồng ý nên bà đi cùng. Khi đến nH ông H thì ông H có đưa ra các giấy vay tiền ghi nội dung ông Khoa vay tiền và nhờ bà ký. Do bà nghĩ chỉ ký để tạo điều kiện cho ông Khoa vay tiền của ông H thì bà mới ký vào giấy này chứ thực chất bà không vay tiền của ông H, bà cũng không thấy ông H giao tiền cho ông Khoa, bà cũng không nhận khoản tiền nào từ ông H.

Ông Khoa có vợ đầu đã chết năm 1998 và có 01 con chung hiện đang bị bệnh tâm thần và ở Trung tâm tâm thần tại Ba Vì. Ông Khoa có vợ thứ hai cũng có 01 người con chung hiện nay theo bà được biết thì người con này đang ở nước ngoài, cụ thể ở đâu thì bà không rõ. Do ông Khoa là người nghiện ma túy nên khi đến đợt cai nghiện thì ông mới vào huyện Lâm H chung sống với bà, thời gian chủ yếu ông Khoa ở quê vì ông Khoa đã có vợ và 02 con. Ông Khoa ở với bà được thời gian ngắn thì đi làm ăn đến khoảng năm 2019-2020 thì bị bệnh, sau đó chuyển về quê rồi ông Khoa chết ở tHnh phố H Nội. Bà chỉ biết vợ ông Khoa tên là Hải, hiện ở tại huyện Đan Ph, tHnh phố H Nội, còn cụ thể thì bà không rõ. Bà xác định là bà có ký giấy vay với ông H nhưng bản chất do bà không hiểu biết; bà nghĩ chỉ ký để tạo điều kiện giúp ông Khoa vay tiền nên mới ký giấy vay, bà không vay tiền của ông H; bản thân ông Khoa cũng như người thân của ông Khoa không nhờ bà trả nợ thay nên bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của ông H. Trường hợp Ng đơn cho rằng bà vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi từ năm 2016 đến năm 2017 cho đến nay thì bà đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà. Ngoài ra bà Ph không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến Hnh hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ Ng ý kiến, yêu cầu như nội dung trình bày nêu trên.

Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các bên đương sự cũng như phát biểu quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ng đơn về việc yêu bà Nguyễn Thị Ph phải trả khoản tiền lãi 89.100.000đ do đã hết thời hiệu khởi kiện.

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của Ng đơn về việc “tranh chấp đòi lại tài sản” với bị đơn bà Nguyễn Thị Ph. Buộc bà Nguyễn Thị Ph phải trả cho anh Lê Quang Ph, chị Lê Thị Thu H, chị Lê Huyền Tr và anh Lê Văn Ng số tiền là 148.500.000đ.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ tài sản phải trả cho Ng đơn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tư cách tố tụng:* Ông Lê Mạnh H và bà Trần Thị Thủy là vợ chồng. Quá trình chung sống ông bà sinh được 04 người con là anh Lê Quang Ph, sinh năm 1983; chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1988; chị Lê Huyền Tr, sinh năm 1989 và anh Lê Văn Ng, sinh năm 1999. Ngày 07/6/2022 bà Thủy chết. Đến ngày 12/01/2023, ông Lê Mạnh H có đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Ph đến Tòa án nhân

dân huyện Lâm H. Ngày 16/02/2023, Tòa án nhân dân huyện Lâm H đã thụ lý vụ án số 37/TB-TLVA để giải quyết theo thủ tục chung, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì ngày 23/02/2023 ông H chết. Cả bà Thủy và ông H chết đều không để lại di chúc. Hng thừa kế của ông H và bà Thủy có 04 người con như trên. Bố mẹ của bà Thủy và ông H đều đã chết từ lâu; ông H, bà Thủy không có con nuôi và không có bố mẹ nuôi. Do đó, xác định anh Lê Quang Ph, chị Lê Thị Thu H, chị Lê Huyền Tr và anh Lê Văn Ng là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Mạnh H; đồng thời, là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (là con của bà Trần Thị Thúy) để giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp*: Ng đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay gốc là 148.500.000đ, tiền lãi kể từ ngày 01/01/2018 cho đến ngày vụ án được giải quyết xong (19/6/2023) với thời gian là 64 tháng 19 ngày nhân với mức lãi suất là 1%/tháng bằng số tiền 95.980.500đ. Còn bị đơn không đồng ý trả nợ, nếu buộc trả nợ thì đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện do đã hết. Qua xem xét thì thấy rằng: Theo Bản khế ước vay vốn ngày 10/5/2016 dương lịch, bà Nguyễn Thị Ph có vay của vợ chồng ông Lê Mạnh H, bà Trần Thị Thủy số tiền là 88.500.000đ, lãi thỏa thuận là 2%/01 tháng, hạn đến tháng 12/2016 trả. Ngày 29/9/2016, bà Ph vay tiếp của vợ chồng ông H, bà Thủy số tiền 30.000.000đ, thỏa thuận lãi 2%/01 tháng hạn đến tháng 12/2016 trả. Ngày 22/4/2017, bà Ph vay thêm của vợ chồng ông H số tiền 30.000.000đ, thỏa thuận lãi là 2%/01 tháng và hạn tháng 12/2017 trả hết nợ.

Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, *kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm*. Như vậy, đối chiếu với quy định nêu trên thì việc hai bên cho nhau vay số tiền của cả ba khoản vay, thỏa thuận ngày trả nợ cuối cùng là tháng 12/2017. Tuy nhiên, đến ngày 12/01/2023, ông Lê Mạnh H mới có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Ph trả nợ là đã hết thời hiệu khởi kiện nên việc bà Ph yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ng đơn đối với yêu cầu bị đơn trả tiền lãi là phù hợp. Đồng thời, xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là kiện “*Đòi lại tài sản*” để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Theo tài liệu chứng cứ do Ng đơn xuất trình thể hiện bà Nguyễn Thị Ph có ký và ghi họ và tên Nguyễn Thị Ph vào 03 giấy ghi là “*Bản thế ước vay vốn*” đề ngày 10/5/2016 (BL17), ngày 29/9/2016 (BL18) và ngày 22/4/2017 (BL19). Theo đó, giấy vay ngày 10/5/2016 thể hiện bà Ph có vay của của vợ chồng ông Lê Mạnh H, bà Trần Thị Thủy số tiền là 88.500.000đ, lãi suất 2%/tháng, kỳ hạn trả nợ là tháng 12/2016; giấy vay ngày 29/9/2016 thể hiện bà Ph có vay tiếp của của vợ chồng ông Lê Mạnh H, bà Trần Thị Thủy số tiền là 30.000.000đ, lãi suất

2%/tháng, kỳ hạn trả nợ là tháng 12/2016 và giấy vay ngày 22/4/2017 thể hiện bà Ph có vay thêm của của vợ chồng ông Lê Mạnh H, bà Trần Thị Thủy số tiền là 30.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, kỳ hạn trả nợ là tháng 12/2017. Theo Ng đơn thì sau khi vay tiền, bà Ph đã không trả nợ đúng thời hạn theo thỏa thuận. Vì vậy, Ng đơn khởi kiện yêu cầu bà Ph phải trả số tiền vay gốc là 148.500.000đ.

[3.2] Còn bị đơn bà Nguyễn Thị Ph cho rằng, việc bà ký vào các Bản thể ước vay vốn là xuất phát từ việc bà có quen biết với ông Nguyễn Tiến Quý (tên thường gọi là Nguyễn Văn Khoa), bà có chung sống cùng với ông Khoa một thời gian, trong thời gian sống cùng ông Khoa thì có lần ông Khoa và ông H đưa các giấy tờ trên cho bà ký, khi ký thì bà không đọc nội dung và bà cũng không nhận bất cứ khoản tiền nào từ ông H, bà Thủy, bà cũng không thấy ông Khoa nhận tiền từ ông H, bà Thủy. Sau khi chung sống một thời gian với ông Khoa thì ông Khoa bị bệnh nên đã chuyển về Bắc sinh sống rồi chết. Do bà không vay tiền của ông H nên bà không đồng ý theo đơn khởi kiện của Ng đơn.

[3.3] Qua yêu cầu của các đương sự Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các giấy tờ ghi là “Bản thể ước vay vốn” thì bà Ph đã ký xác nhận việc vay tiền của ông H, bà Thủy với số tiền vay tổng cộng cả 03 khoản là 148.500.000đ. Mặc dù, trong các giấy có ghi tên người vay là ông Nguyễn Văn Khoa và bà Nguyễn Thị Ph; tuy nhiên, ông Khoa lại không ký vào giấy vay tiền. Đồng thời, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh thì được biết ông Khoa có chung sống với bà Ph một thời gian nhưng khoảng năm 2021 ông Khoa đã chuyển về Bắc sinh sống và hiện nay ông Khoa cũng đã chết. Bà Ph cũng xác định hiện nay ông Khoa đã chết nên không thể đối chất làm rõ được việc ông Khoa có vay mượn tiền của ông H, bà Thủy hay không; hơn nữa, Ng đơn không khởi kiện ông Khoa nên Tòa án không đưa những người thừa kế của ông Khoa vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Xét thấy, bà Ph là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, khi ký vào các giao dịch bà phải biết được nội dung và chịu hậu quả pháp lý về việc mình đã xác lập. Bà Ph cho rằng, do bà tin tưởng nên ký vào 03 giấy vay tiền của ông H, bà Thủy mà không đọc nội dung là không phù hợp. Do vậy, có cơ sở xác định bà Ph có vay tiền của ông H, bà Thủy theo các giấy ghi “Bản thể ước vay vốn” như các chứng cứ do Ng đơn xuất trình với tổng số tiền vay là 148.500.000đ. Vì vậy, cần buộc bà Ph phải trả cho ông H, bà Thủy số tiền 148.500.000đ là phù hợp. Tuy nhiên, do ông H, bà Thủy đều đã chết, bố mẹ của ông H và bà Thủy đều đã chết trước ông H, bà Thủy; các con của ông H, bà Thủy là anh Lê Quang Ph, chị Lê Thị Thu H, chị Lê Huyền Tr và anh Lê Văn Ng là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ng đơn, đồng thời là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện của ông H, do đó cần buộc bà Ph phải trả số tiền trên cho các con của ông H và bà Thủy là phù hợp.

Đối với việc Ng đơn yêu cầu khoản tiền lãi, còn bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu như đã phân tích ở trên do thời hiệu khởi kiện đã hết. Do vậy, cần đình chỉ

yêu cầu khởi kiện của Ng đơn đối với yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi là 95.980.500đ.

[4] Về án phí: Bà Ph có đơn xin miễn, giảm án phí vì điều kiện hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Hội đồng xét xử thấy rằng theo quy định tại Điều 12, 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án thì bà Ph không thuộc trường hợp bất khả kháng dẫn đến không có khả năng đóng án phí nên không có căn cứ để chấp nhận. Do đó cần buộc bà Ph phải chịu 7.425.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Ng đơn (148.500.000đ x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 184; Điều 185; Điều 203; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 149; Điều 166; Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của Ng đơn về việc “Đòi lại tài sản” với bị đơn bà Nguyễn Thị Ph.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ph phải trả cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng; đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quang Ph, chị Lê Thị Thu H, chị Lê Huyền Tr và anh Lê Văn Ng số tiền nợ gốc là 148.500.000đ (*một trăm bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ng đơn về việc yêu bà Nguyễn Thị Ph phải trả số tiền lãi 95.980.500đ (*chín mươi lăm triệu chín trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hành án của người được thi Hành án cho đến khi thi Hành án xong, bên phải thi Hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

2/ Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Ph phải chịu 7.425.000đ (*bảy triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/6/2023) các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc

bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hình án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân huyện Lâm H;
- Chi cục THADS huyện Lâm H;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Huân

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thạch Thị Lan Nhung - Ngô Thị Luân

Trần Minh Huân

